

UNIT 8: HOW CAN WE CARE FOR THE EARTH?

Lesson 12: Concept

I. Nội dung buổi học:

- Học sinh giải các phương trình cộng đơn giản.

II. Key vocabulary:



One

(Số một)



Two

(Số hai)



Three

(Số ba)



Four

(Số bốn)





Five
(Số năm)



Six
(Số sáu)



Seven
(Số bảy)



Eight
(Số tám)



9

Nine
(Số chín)



10

Ten
(Số mười)



11

Eleven
(Số mười một)



12

Twelve
(Số mười hai)



13

Thirteen
(Số mười ba)



14

Fourteen
(Số mười bốn)



15

Fifteen
(Số mười lăm)



16

Sixteen
(Số mười sáu)



17

Seventeen
(Số mười bảy)



18

Eighteen
(Số mười tám)



19

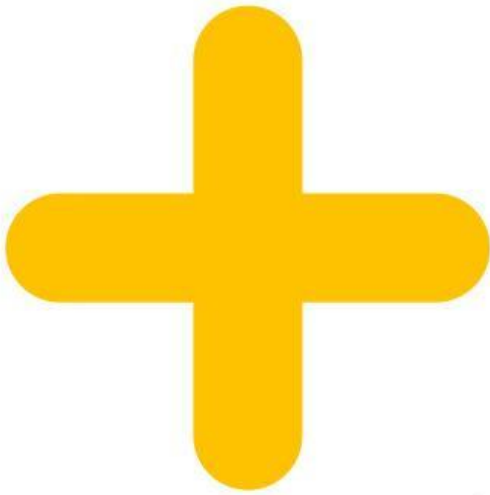
Nineteen
(Số mười chín)



20

Twenty
(Số hai mươi)

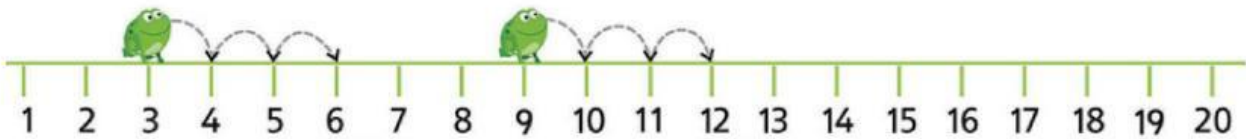




Plus
(Dấu cộng)



Equal
(Dấu bằng)



Number line
(Trục số)



3



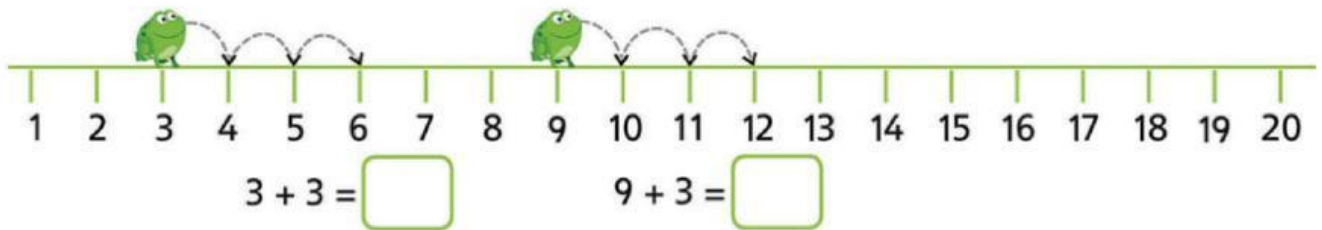
3



Add
(Cộng thêm)



III. Key language:



Add with a number line.



$$3 + 3 = 6$$

(Three) plus (three) equals (six).

